

Bản án số: 55/2017/HSPT

Ngày: 27/12 /2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Xuân Thành**

Các thẩm phán: Ông **Phạm Bá Sơn**

Ông **Vũ Thanh Liêm**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Ngọc Đức**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Đỗ Xuân Ân** - Kiểm sát viên.

Vào ngày 27 tháng 12 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 61/2017/HSPT ngày 27/10/2017 đối với bị cáo **Trần Văn N** về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Do có kháng cáo của bị cáo, đối với bản án hình sự sơ thẩm số 54/2017/HSST ngày 25-9-2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Trần Văn N** (tên gọi khác: Út N), sinh năm 1958 tại huyện C, thành phố Hồ Chí Minh. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp P, xã P, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: 233 đường C, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn 7/10; dân tộc: Kinh; con ông Trần Văn D và bà Trần Thị H (đều đã chết); bị cáo có vợ thứ nhất là bà Bùi Thị L1 (đã ly hôn năm 2008), vợ thứ hai là bà Ngô Thị Trà M và có 02 con, lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không có; bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Tĩnh về vụ án khác, có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

1. Ông **Võ Thành L**, sinh năm 1962; nơi cư trú: số 178 Ấp LT, xã LN, huyện B, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

2. Bà **Lê Thị V**, sinh năm 1967; nơi cư trú: Ấp B, xã LN, huyện B, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

Ngoài ra trong vụ án còn có 03 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 11-2011 đến tháng 11-2014, Trần Văn N đã có hành vi gian dối thông qua việc: Chuyển nhượng đất; hợp đồng góp vốn vào dự án trồng cây cao su; bán xe ô tô; đưa tiền để đặt cọc mua gỗ; vay tiền để giải quyết công việc bí mật ở biên giới và xin giấy phép mở rộng hoạt động của Trung tâm nghiên cứu phát triển văn hóa LH, để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của nhiều cá nhân ở nhiều tỉnh, thành phố như: Hà Tĩnh, Đắk Lắk, Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Trong đó hành vi gian dối thông qua việc ký Hợp đồng góp vốn vào dự án trồng cây cao su, để chiếm đoạt tài sản của ông Võ Thành L và bà Lê Thị V xảy ra tại Đắk Lắk cụ thể như sau:

Diện tích 916 ha đất tại địa bàn xã C, huyện C1, tỉnh Đắk Lắk là đất của 151 hộ dân tại địa phương tự khai hoang, nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2005, Hợp tác xã nguyên liệu TH, có trụ sở tại thôn 02, xã C, huyện C1, tỉnh Đắk Lắk được thành lập đã liên kết với 151 hộ dân có diện tích đất nêu trên để lập dự án trồng cây dó bầu và đất được các cơ quan thẩm quyền phê duyệt cho triển khai thực hiện, ông Nguyễn Văn H1 làm Chủ nhiệm Hợp tác xã nguyên liệu TH, Trần Văn N làm Phó chủ nhiệm. Trong quá trình thực hiện dự án, do không đem lại hiệu quả nên Hợp tác xã nguyên liệu TH giải thể theo thông báo số 02/TB-TCKH ngày 10-9-2007 của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện C1. Ngày 11-3-2008, Công ty cổ phần đầu tư phát triển Hoà Bình Đắk Lắk được thành lập, người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Văn H1. Công ty cổ phần đầu tư phát triển HB Đắk Lắk tiếp tục thừa kế thực hiện dự án trồng rừng của Hợp tác xã nguyên liệu TH. Đến năm 2009, ông Nguyễn Văn H1 thôi giữ chức vụ Giám đốc và Trần Văn N được bổ nhiệm chức vụ Giám đốc thay ông H1.

Ngày 14-12-2011, mặc dù biết rõ diện tích 916ha đất là của các xã viên Hợp tác xã nguyên liệu TH tự nguyện đóng góp, không được phép chuyển nhượng nếu không có sự đồng ý của các xã viên, nhưng Trần Văn N đã tự ý ký kết hợp đồng chuyển nhượng tư cách pháp nhân Công ty cổ phần đầu tư phát triển Hoà Bình Đắk Lắk và diện tích 916ha đất cho ông Dương Danh Q, là chủ Doanh nghiệp tư nhân Quốc Phú với giá chuyển nhượng là 10.800.000.000 đồng và N đã nhận tổng số tiền là 2.172.000.000 đồng từ ông Q. Sau khi nhận chuyển nhượng, ông Q đã làm thủ tục thay đổi người đại diện theo pháp luật và được Sở

Kế hoạch và đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6000705522 ngày 22-12-2011, người đại diện theo pháp luật là ông Dương Danh Q. Cuối tháng 7-2012, mặc dù biết việc thành lập Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư phát triển Nông Lâm nghiệp Đắk Lắk hoạt động sản xuất kinh doanh trên diện tích 916ha đất của 151 hộ dân là vi phạm pháp luật và không được phép, nhưng Trần Văn N vẫn dùng giấy tờ cá nhân của ông Nguyễn Văn Phước, trú tại: Tổ 13, phường Ninh Đa, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, để đi đăng ký thành lập Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư phát triển Nông Lâm nghiệp Đắk Lắk. Ngày 10-3-2012, N tiếp tục sử dụng giấy tờ, hồ sơ lập dự án của Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Hoà Bình Đắk Lắk (lúc này đã chuyển nhượng cho Doanh nghiệp tư nhân Quốc Phú) lập Tờ trình số 03 gửi Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Đắk Lắk, để xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 916ha đất nêu trên. Ngày 30-7-2012, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất có Công văn số 79 trả lời: “*Hồ sơ do Công ty cổ phần HB Đắk Lắk nộp không đáp ứng những yêu cầu để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”, nên trả lại hồ sơ để Công ty bổ sung theo đúng quy định hiện hành.

Khoảng đầu tháng 12-2012, do có nhu cầu mua đất để trồng cây cao su, nên ông Võ Thành L và bà Lê Thị V đã đến tỉnh Đắk Lắk để tìm mua đất, thông qua mối quan hệ xã hội, ông L và bà V gặp được Trần Văn N tại thành phố B, N đưa ra thông tin gian dối là diện tích 916ha đất trên địa bàn xã C, huyện C1 đang được N làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để lập dự án trồng cây cao su và đưa các loại giấy tờ có liên quan đến đất cho ông L và bà V xem, đồng thời nói dối là: “*Đất do Nhà nước cấp nên phải hợp thức hóa bằng cách ký hợp đồng góp cổ phần vào dự án trồng cây cao su*”, sau đó đưa ông L và bà V đi kiểm tra thực địa diện tích đất nêu trên. Sau khi đi xem đất, ông L và bà V đồng ý ký hợp đồng góp cổ phần vào dự án trồng cây cao su với N. Trong các ngày 10 và ngày 22-12-2012, Trần Văn N đã ký với ông Võ Thành L và bà Lê Thị V 02 hợp đồng góp vốn vào dự án trồng cây cao su, nội dung 02 hợp đồng góp vốn thể hiện:

“+ Điều 1: Bên A (Công ty TNHH đầu tư phát triển nông lâm nghiệp Đắk Lắk) đồng ý bên B (ông Võ Thành L và bà Lê Thị V) đóng góp cổ phần vào trồng cao su của bên A, với tổng diện tích là 210ha đất;

+ Điều 2: Đơn giá góp vốn áp dụng với diện tích đất phù hợp với trồng cây cao su là 52.000.000 đồng/ha;

+ Trách nhiệm của bên A: Nếu sau thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận tiền đặt cọc mà bên A không bàn giao toàn bộ số diện tích đất sạch đúng thời hạn, không bàn giao đầy đủ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc không thực hiện đầy đủ các cam kết tại Hợp đồng. Hoặc bên A không chuyển nhượng được và không làm được thủ tục pháp lý như cam kết tại hợp đồng với bất cứ lý do gì thì bên A phải: Hoàn trả lại số tiền đã nhận của bên B; phải bồi thường cho bên

B theo mức thỏa thuận 15% tổng giá trị hợp đồng. Đồng thời, bên A phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về những cam kết theo hợp đồng.”

Tổng giá trị của 02 hợp đồng là 1.570.000.000 đồng, N đã nhận từ ông L và bà V số tiền 570.000.000 đồng, trong đó: Nhận từ ông L 460.000.000 đồng và nhận từ bà V 110.000.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 84/PC54 ngày 20-2-2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Toàn bộ chữ ký mang tên ông Nguyễn Văn Phước trong hồ sơ đăng ký kinh doanh của Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư phát triển Nông Lâm nghiệp Đắk Lắk so với chữ ký của ông Nguyễn Văn Phước trong các tài liệu mẫu so sánh là không phải do cùng một người ký ra.

Tại Kết luận giám định số 196/PC54 ngày 11-4-2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Toàn bộ chữ ký, chữ viết mang tên Trần Văn N trên biên nhận thu tiền thể hiện ngày 10-12-2012 ông Võ Thành L giao cho N 325.000.000 đồng và xác nhận ngày 14-3-2013 ông L giao cho N 10.000.000 đồng nữa; biên nhận thu tiền thể hiện ngày 22-12-2012 bà Lê Thị V giao cho N 80.000.000 đồng so với chữ ký, chữ viết của Trần Văn N trong các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký, viết ra.

Tại các sao kê và chứng từ giao dịch do Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk cung cấp, xác định: Trần Văn N có mở tài khoản số 520020544437 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk; vào các ngày 20-12-2012, 14-01-2013 và 18-2-2013 ông Võ Thành L đã chuyển vào tài khoản số 520020544437 của N số tiền 125.000.000 đồng và các ngày 25-12-2012, 06-02-2013 bà Lê Thị V đã chuyển vào tài khoản số 520020544437 của N số tiền 30.000.000 đồng.

Đối với hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Trần Văn N xảy ra tại các tỉnh, thành phố như: Hà Tĩnh, Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh và lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông Dương Danh Q xảy ra tại tỉnh Đắk Lắk đã được Cơ quan điều tra Công an tỉnh Hà Tĩnh khởi tố xử lý bằng một vụ án khác, do vậy không đề cập giải quyết trong vụ án này. Đối với Nguyễn Văn H2, là người đã giới thiệu để ông Võ Thành L quen biết với ông Trần Văn N và N có cho ông H2 số tiền 15.000.000 đồng, là tiền bồi dưỡng chi phí ăn uống, chi phí đi lại. Tuy nhiên, sau khi gặp ông L và bà V thì N là người trực tiếp trao đổi, ký hợp đồng và nhận tiền từ ông L và bà V, ông H2 không tham gia và hoàn toàn không biết việc Trần Văn N gian dối để chiếm đoạt tài sản. Do đó cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk không đề cập xử lý đối với ông Nguyễn Văn H2 với vai trò đồng phạm trong vụ án.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 54/2017/HSST ngày 25-9-2017, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo **Trần Văn N** (tên gọi khác: út N) phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự; xử phạt: Bị cáo **Trần Văn N** (tên gọi khác: út N) **12** năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, án phí, quy định về thi hành án dân sự và quyền kháng cáo.

Ngày 25-9-2017, bị cáo **Trần Văn N** kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo **Trần Văn N** vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Đại diện viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo giữ nguyên án sơ thẩm.

[1] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời khai nhận của bị cáo, lời khai của bị hại tại hồ sơ vụ án, và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét đánh giá khách quan toàn diện và đầy đủ chứng cứ. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để khẳng định.

Ngày 14-12-2011, mặc dù biết rõ diện tích 916ha đất là của các xã viên Hợp tác xã nguyên liệu TH tự nguyện đóng góp, không được phép chuyển nhượng nếu không có sự đồng ý của các xã viên, nhưng **Trần Văn N** đã tự ý ký kết hợp đồng chuyển nhượng tư cách pháp nhân Công ty cổ phần đầu tư phát triển Hoà Bình Đắc Lắc và diện tích 916ha đất cho ông **Dương Danh Q**, là chủ Doanh nghiệp tư nhân Quốc Phú với giá chuyển nhượng là 10.800.000.000 đồng và **N** đã nhận tổng số tiền là 2.172.000.000 đồng từ ông **Q**. Sau khi nhận chuyển nhượng, ông **Q** đã làm thủ tục thay đổi người đại diện theo pháp luật và được Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Đắc Lắc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6000705522 ngày 22-12-2011, người đại diện theo pháp luật là ông **Dương Danh Q**. Cuối tháng 7-2012, mặc dù biết việc thành lập Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư phát triển Nông Lâm nghiệp Đắc Lắc hoạt động sản xuất kinh doanh trên diện tích 916ha đất của 151 hộ dân là vi phạm pháp luật và không được phép, nhưng **Trần Văn N** vẫn dùng giấy tờ cá nhân của ông **Nguyễn Văn Phước**, trú tại: Tổ 13, phường N, thị xã N1, tỉnh Khánh Hòa, để đi đăng ký thành lập Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư phát triển Nông Lâm nghiệp Đắc Lắc. Ngày 10-3-2012, **N** tiếp tục sử dụng giấy tờ, hồ sơ lập dự án của Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Hoà Bình Đắc Lắc (lúc này đã chuyển nhượng cho Doanh nghiệp tư nhân Quốc Phú) lập Tờ trình số 03 gửi Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Đắc Lắc, để xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 916ha đất nêu trên. Ngày 30-7-2012, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất có Công văn số 79 trả lời: “*Hồ sơ do Công ty cổ phần HB Đắc Lắc nộp không đáp ứng những yêu cầu để*

được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”, nên trả lại hồ sơ để Công ty bổ sung theo đúng quy định hiện hành.

Khoảng đầu tháng 12-2012, do có nhu cầu mua đất để trồng cây cao su, nên ông Võ Thành L và bà Lê Thị V đã đến tỉnh Đắk Lắk để tìm mua đất, thông qua mối quan hệ xã hội, ông L và bà V gặp được Trần Văn N tại thành phố B, N đưa ra thông tin gian dối là diện tích 916ha đất trên địa bàn xã C, huyện C1 đang được N làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để lập dự án trồng cây cao su và đưa các loại giấy tờ có liên quan đến đất cho ông L và bà V xem, đồng thời nói dối là: “*Đất do Nhà nước cấp nên phải hợp thức hóa bằng cách ký hợp đồng góp cổ phần vào dự án trồng cây cao su*”, sau đó đưa ông L và bà V đi kiểm tra thực địa diện tích đất nêu trên. Sau khi đi xem đất, ông L và bà V đồng ý ký hợp đồng góp cổ phần vào dự án trồng cây cao su với N. Trong các ngày 10 và ngày 22-12-2012, Trần Văn N đã ký với ông Võ Thành L và bà Lê Thị V 02 hợp đồng góp vốn vào dự án trồng cây cao su.

Tổng giá trị của 02 hợp đồng là 1.570.000.000 đồng, N đã nhận từ ông L và bà V số tiền 570.000.000 đồng, trong đó: Nhận từ ông L 460.000.000 đồng và nhận từ bà V 110.000.000 đồng.

Với hành vi và hậu quả nêu trên, bị cáo Trần Văn N bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự là đúng người đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét đơn kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo 12 năm tù là thỏa đáng. Tại cấp phúc thẩm bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào khác nên không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

Ngoài ra, tại bản án hình sự sơ thẩm số 24/2017/HS-ST ngày 28/8/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã xử phạt bị cáo Trần Văn N 13 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, bản án đã có hiệu lực pháp luật nên cần phải tổng hợp hình phạt với bản án này để buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án.

[3] Án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 2 điều 248 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trần Văn N, giữ nguyên quyết định của bản án số 54/2017/HSST ngày 25/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

1. Tuyên bố bị cáo **Trần Văn N** (tên gọi khác: Út N) phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo **Trần Văn N** (tên gọi khác: Út N) **12 (mười hai)** năm tù.

Áp dụng Điều 51 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt đối với bản án số 24/2017/HSST ngày 28/8/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã xử phạt bị cáo Trần Văn N **13** năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Buộc bị cáo phải chịu hình phạt chung cho 02 bản án là **25 (hai mươi lăm)** năm tù, thời hạn tù tính từ ngày **28/02/2015**.

2. Án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Buộc bị cáo Trần Văn N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn thời kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk;
- P. THAHS và HTTP CA tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo;
- Những người tham gia TT khác;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Mai Xuân Thành